

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HẠ LONG
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 12/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 24 - 01 - 2025

“V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẠ LONG, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hiền

- **Các Hội thẩm nhân dân:** Ông Bùi Đức Nhân

Ông Lê Như Toàn

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Kim Uyên - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- **Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Đoàn Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 224/2024/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2024 về việc “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/01/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 17/01/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ánh N, sinh năm: 1985; nơi cư trú: tổ 11, khu 2, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đinh Quốc Đ, sinh năm 1983; nơi cư trú: tổ 11, khu 2, phường G, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đinh Quốc Đ tự nguyện kết hôn ngày 07/4/2009 tại UBND xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị sinh sống tại phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ luôn ghen tuông, mãi chơi không quan tâm, chăm lo cho gia đình và con cái. Chị và anh Đ mặc dù sống chung nhà nhưng từ tháng 10 năm 2022, đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng chị đã được hai bên gia đình nội ngoại, khu phố hòa giải nhưng không có kết

quả. Đến nay, chị xác nhận không còn tình cảm với anh Đ, mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Đ.

Về con chung: Chị và anh Đ có hai con chung là cháu Đình Quốc A, sinh ngày 02/10/2009 và cháu Đình Huyền Diệu A, sinh ngày 05/8/2020. Khi ly hôn chị có nguyện vọng nuôi con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi mỗi con là 2.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Đình Quốc Đ đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập của Tòa án, nhưng không đến làm việc cũng như không có quan điểm giải quyết vụ án.

Biên bản xác minh ngày 24/12/2024, ông Đoàn Ngọc Cương (trưởng khu phố 2, phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh) cung cấp thông tin: vợ chồng anh Đình Quốc Đ và chị Nguyễn Thị Ánh N là công dân cư trú tại tổ 11, khu 2, phường Giếng Đáy, thành phố Hạ Long. Quá trình sinh sống tại địa phương, khu phố nắm được việc vợ chồng anh Đ xảy ra mâu thuẫn và đã tiến hoà giải nhưng không có kết quả. Anh Đ và chị N có 02 con chung là cháu Đình Quốc A, sinh ngày 02/10/2009 và cháu Đình Huyền Diệu A, sinh ngày 05/8/2020. Hiện nay cả hai con chung ở cùng vợ chồng anh Đ, tuy nhiên do anh Đ thường bận công việc đi làm cuối tuần mới về, nên chị N là người trực tiếp chăm sóc, giáo dục các cháu. Các văn bản tố tụng của Tòa án gửi cho anh Đ đã được bà Đào Thị Hạnh là tổ trưởng tổ 11, khu 2, phường Giếng Đáy nhận và giao cũng như thông tin lại cho anh Đ được biết.

Biên bản lấy ý kiến con chung, cháu Đình Quốc A có ý kiến: cháu là con của bố Đình Quốc Đ và mẹ Nguyễn Thị Ánh N. Bố mẹ cháu có mâu thuẫn, tranh cãi với nhau. Mặc dù sống cùng nhau nhưng bố mẹ cháu không quan tâm đến nhau. Nếu bố mẹ cháu không sống cùng nhau nữa, cháu có nguyện vọng được ở cùng mẹ, được mẹ cháu chăm sóc, quan tâm hàng ngày.

Tại Bảng lương tháng 10, 11 và 12/2024 của Công ty Sợi hoá học thế kỷ mới Việt Nam thể hiện chị Nguyễn Thị Ánh N có mức lương từ 25.000.000 đồng đến 29.000.000 đồng/tháng.

Ngày 06/01/2025, Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Anh Đ vắng mặt không lý do, chị N có đơn từ chối hòa giải và yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định.

Tại phiên tòa, chị N giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, nuôi con chung; về cấp dưỡng nuôi con chị thay đổi đề nghị anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Đình Quốc A số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Anh Đ vắng mặt không lý do nên không có ý kiến.

Đ diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N về việc ly hôn với anh Đ. Giao con chung Đình Quốc A, sinh ngày 02/10/2009 và Đình Huyền Diệu A, sinh ngày 05/8/2020 cho chị N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên. Anh Đ có trách nhiệm cấp dưỡng cho con chung Đình Quốc A số tiền 2.000.000 đồng/tháng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đương sự, Đ diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền: nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N khởi kiện “ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Đình Quốc Đ, có địa chỉ tại phường Giếng Đá, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, nên Tòa án nhân dân thành phố Hạ Long có thẩm quyền giải quyết vụ án theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về thay đổi yêu cầu khởi kiện: quá trình giải quyết vụ án, chị N yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho mỗi con chung số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Tại phiên tòa, chị N thay đổi yêu cầu, chỉ yêu cầu anh Đ cấp dưỡng cho con chung Đình Quốc A số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Việc thay đổi yêu cầu của chị N không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận.

- Về sự vắng mặt của đương sự: bị đơn anh Đình Quốc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2, nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn anh Đ.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N và anh Đình Quốc Đ tự nguyện kết hôn ngày 07/4/2009 tại UBND xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định, nên xác định quan hệ hôn nhân là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị N và anh Đ chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh Đ hay ghen tuông, mãi chơi không quan tâm, chăm lo cho gia đình và con cái. Chị N và anh Đ mặc dù sống chung nhà nhưng từ tháng 10 năm 2022 đến nay đã ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Mâu thuẫn của vợ chồng anh Đ, chị N được hai bên gia đình nội ngoại và khu phố hòa giải nhưng không có kết quả. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không đến Tòa làm việc cũng như không có quan điểm giải quyết thể hiện anh Đ không muốn hàn gắn với chị N. Như vậy, mâu thuẫn giữa chị N và anh Đ là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận cho chị N được ly hôn anh Đ.

Về con chung: Chị N và anh Đ có hai con chung là cháu Đình Quốc A, sinh ngày 02/10/2009 và cháu Đình Huyền Diệu A, sinh ngày 05/8/2020. Khi ly hôn chị N có nguyện vọng nuôi cả hai con chung và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đình Quốc A

số tiền 2.000.000 đồng/tháng. Xét yêu cầu của chị N thấy: theo biên bản xác minh tại địa phương thể hiện anh Đ thường bận công việc cuối tuần mới về nhà, các con chung đều do chị N trực tiếp chăm sóc và giáo dục. Cháu Đình Huyền Diệu A là con gái, còn nhỏ cần sự quan tâm, yêu thương, giáo dục của chị N. Cháu Đình Quốc A có nguyện vọng được ở cùng mẹ, được mẹ chăm sóc hàng ngày. Bản thân chị N có công việc và thu nhập ổn định. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ không đến Tòa án làm việc cũng như không có quan điểm về việc ly hôn cũng như nuôi con chung. Do đó, giao hai con chung cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục, anh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cháu Đình Quốc A số tiền 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp. Từ phân tích trên chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung và cấp dưỡng của chị N.

Về tài sản chung, nợ chung chị N không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn chị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự ly hôn sơ thẩm. Anh Đ phải chịu 300.000 đồng án phí về cấp dưỡng nuôi con.

[4] Quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 244, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ánh N:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ánh N được ly hôn anh Đình Quốc Đ.

2. Về con chung: giao con Đình Quốc A, sinh ngày 02/10/2009 và con Đình Huyền Diệu A, sinh ngày 05/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Ánh N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Đình Quốc Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung Đình Quốc A số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng cho đến khi thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị N cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Án phí: Chị Nguyễn Thị Ánh N phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0001198 ngày 10/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Chị Nguyễn đã nộp đủ án phí.

Anh Đinh Quốc Đ phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Hạ Long;
- Chi cục THADS thành phố Hạ Long;
- UBND xã Xuân Kiên, huyện Xuân Trường, tỉnh Nam Định (nơi ĐKKH);
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hiền

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thị xã Đông Triều;
- Chi cục THADS thị xã Đông Triều;
- UBND xã Hà Thượng, huyện Đ Từ, tỉnh Thái Nguyên (nơi ĐKKH).
- TAND, VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Hiền

